

Bản án số: 21/2018/HS-ST
Ngày 30/5/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN BẢN, TỈNH LÀO CAI.

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Triệu Vĩnh Thái.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Văn Dương.
2. Bà La Thị Thanh Thảo.

Thư ký phiên toà: Ông Vương Ngọc Long - Thư ký toà án nhân dân huyện Văn Bản, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bản tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Bản, tỉnh Lào Cai. Mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 13/2018/TLST-HS ngày 20 tháng 3 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2018/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 5 năm 2018 đối với các bị cáo:

1/ Nguyễn Thế N, sinh ngày 20/9/1961, tại huyện X, tỉnh N.

Nơi cư trú: xã K, huyện V, tỉnh L.

Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hóa: Lớp 10/12.

Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông: Nguyễn Văn N, sinh năm 1901 (đã chết); con bà: Vũ Thị L, sinh năm 1920 (đã chết).

Vợ: Tô Thị H, sinh năm 1969, bị cáo có 03 con lớn nhất sinh năm 1984 nhỏ nhất sinh năm 1990. Hiện đều cư trú tại xã K, huyện V, tỉnh L.

Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 29/12/2017 đến ngày 05/01/2018 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” sau đó bỏ trốn khỏi địa phương, hiện đang bị truy nã - Vắng mặt.

2/ Phạm Văn N, sinh ngày 01/01/1974, tại huyện X, tỉnh N.

Nơi cư trú: xã K, huyện V, tỉnh L.

Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hóa: Lớp 8/12.

Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông: Phạm Văn L, sinh năm 1936 (đã chết); con bà: Nguyễn Thị D, sinh năm 1944. Hiện cư trú tại: Xã K, huyện V, tỉnh L.

Vợ: Phạm Thị M, sinh năm 1975, bị cáo có 02 con lớn nhất sinh năm 1996 nhỏ nhất sinh năm 1998, hiện cư trú tại xã K, huyện V, tỉnh L.

Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 29/12/2017 đến ngày 05/01/2018 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” - Có mặt.

3/ Trần Việt T, sinh ngày 30/6/1971, tại huyện X, tỉnh N.

Nơi cư trú: xã K, huyện V, tỉnh L.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: Lớp 8/12.

Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông: Trần Việt N, sinh năm 1927 (đã chết); con bà: Nguyễn Thị L, sinh năm 1930, hiện trú tại: Xã K, huyện V, tỉnh L.

Vợ: Vũ Thị D, sinh năm 1977, bị cáo có 02 con lớn nhất sinh năm 1998 nhỏ nhất sinh năm 2000, hiện cư trú: Xã K, huyện V, tỉnh L.

Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 29/12/2017 đến ngày 05/01/2018 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” - Có mặt.

4/ Phạm Văn S, sinh ngày 07/10/1971, tại huyện T, tỉnh T.

Nơi cư trú: xã K, huyện V, tỉnh L.

Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 6/10.

Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông: Phạm Văn D, sinh năm 1941; con bà: Vũ Thị C (đều đã chết).

Vợ: Vũ Thị Tố A, sinh năm 1971, bị cáo có 02 con lớn nhất sinh năm 1991 nhỏ nhất sinh năm 1993, hiện đều cư trú tại xã K, huyện V, tỉnh L.

Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 22/10/2007 bị Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xử phạt 03 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 năm về tội “Vận chuyển trái phép vật liệu nổ.”

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 29/12/2017 đến ngày 05/01/2018 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” - Có mặt.

5/ Đỗ Văn T, sinh ngày 02/01/1990, tại huyện V, tỉnh L.

Nơi cư trú: xã K, huyện V, tỉnh L.

Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hóa: Lớp 9/12.

Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông: Đỗ Văn P, sinh năm 1937 (đã chết); con bà: Nguyễn Thị H, sinh năm 1947 (đã chết).

Hiện đang chung sống như vợ chồng với Lục Thị T, sinh năm 1997 và có 01 con sinh năm 2017, hiện cư trú tại xã K, huyện V, tỉnh L.

Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 29/12/2017 đến ngày 05/01/2018 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” - Có mặt.

Những người làm chứng:

- Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1960 - Vắng mặt.

- Ông Vũ Văn D, sinh năm 1973 - Vắng mặt.

- Anh Phạm Văn V, sinh năm 1993 - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên Tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 20 giờ 25 phút ngày 28/12/2017 Nguyễn Thế N gọi điện cho Phạm Văn S rủ đi đánh Sâm nhưng S không nghe máy. N tiếp tục gọi điện rủ Phạm Văn N lên nhà bà Nguyễn Thị T để đánh Sâm, N đồng ý. Đến khoảng hơn 20 giờ cùng ngày S gọi điện thoại lại cho N và hỏi “có chân đánh Sâm không”, N trả lời “chú cứ sang đi để anh gọi chân”. Sau đó N đi bộ sang nhà bà Nguyễn Thị T ở thôn N, xã K mua 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân và hỏi bà T cho đánh Sâm nhờ, bà T đồng ý. N lấy chiếu dãi ra phòng khách thì N và Trần Việt T đến, cả ba người ngồi xuống chiếu bắt đầu đánh Sâm. Khoảng vài phút sau thì Phạm Văn S, Đỗ Văn T đến cùng tham gia. Hình thức chơi như sau: Các bị cáo dùng bộ bài tú lơ khơ 52 quân chia cho mỗi người chơi 10 quân bài, người nào vừa thắng ván trước được đánh bài trước, tiếp đó các người ngồi kế bên theo vòng ngược chiều kim đồng hồ lần lượt đánh bài sau. Quy ước đánh bài: Quân bài to, bắt quân bài nhỏ, “dây” to bắt “dây” nhỏ, “đôi” to bắt “đôi” nhỏ (dây là có 3 quân bài kế tiếp nhau trở lên, đôi là 2 quân bài bằng nhau.) Ai đánh bài hết trước thì người đó thắng, những người thua phải trả tiền cho người thắng tương ứng với quân bài chưa đánh được mức tiền lúc đầu là 1.000đ/1 quân bài, một ván Sâm là 30.000đ, một ván treo là 20.000đ. Sau đó chuyển thành 5.000đ/1 quân bài, một ván Sâm là 100.000đ, một ván treo là 70.000đ. Trong khi chơi N thống nhất với mọi người là “ai Sâm thì bỏ ra 10.000đ cho bà T trả tiền điện”, mọi người đều đồng ý (đến khi bị bắt các bị cáo đã trả cho bà T 70.000đ). Trong khi chơi do hết tiền nên S đã vay của T 500.000đ, sau đó đến khoảng 23 giờ cùng ngày S gọi điện cho Phạm Văn V, sinh năm 1993 (*cư trú tại: Thôn E, xã K*) đến và vay của V hai lần, mỗi lần 500.000đ. T cũng bị thua hết tiền nên cũng vay của V hai lần, mỗi lần 500.000đ, V ngồi ở đó xem mọi người đánh bạc. Quá trình đánh bạc Nguyễn Thế N mang theo 705.000đ, bỏ ra 700.000đ để đánh bạc; Phạm Văn S mang theo khoảng 1.350.000đ và vay của V 1.000.000đ để đánh bạc; Phạm Văn N mang theo 975.000đ để đánh bạc; Trần Việt T mang theo 545.000đ để đánh bạc; Đỗ Văn T mang theo 1.050.000đ, bỏ ra 1.000.000đ và vay thêm V 1.000.000đ để đánh bạc. Các bị cáo đánh bạc đến 02 giờ 30 phút ngày 29/12/2017 thì bị Công an huyện Văn Bàn bắt quả tang, thu giữ: Trên chiếu bạc 4.007.000đ; 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 52 quân, 01 chiếu cói hoa văn màu xanh, đỏ (kích thước 1,6m x 2m); thu giữ trên góc ban thờ nhà bà T 800.000đ. Ngoài ra còn thu giữ trên người các đối tượng: Nguyễn Thế N số tiền 405.000đ, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia C1 vỏ màu xanh đen; Phạm Văn S số tiền 1.060.000đ, 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A37 màu vàng đồng có ốp nhựa màu trắng; Trần Việt T số tiền 300.000đ, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu vàng đồng, 01 ví da màu nâu; Đỗ Văn T số tiền 50.000đ, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J7 Prime màu trắng có ốp nhựa dẻo màu vàng, 01 ví da màu nâu, 01 đăng ký xe mô tô BKS 24B1 - 335.51, 01 chứng minh thư nhân dân, 01 giấy phép lái xe, 01 thẻ bảo hiểm y tế tất cả mang tên Đỗ Văn T; Phạm Văn V 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5S màu vàng đồng. Thu giữ ngoài sân nhà bà Nguyễn Thị T: 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave RSX màu đỏ đen BKS:

24V1 - 031.66; 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave alpha màu trắng đen BKS: 24V1 - 138.15; 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Jupiter MX màu trắng đen BKS: 24B1 - 335.51; 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA AIRBLADE màu đỏ đen BKS: 24V1 - 112.47, trong cặp xe có 01 ví da màu nâu, 01 chứng minh thư nhân dân, 01 giấy phép lái xe hạng A1, 01 đăng ký xe mô tô BKS: 24V1 - 112.47, 01 đăng ký xe mô tô BKS: 24V1 - 103.46 đều mang tên Phạm Văn S.

Tại bản cáo trạng số: 14/CT-VKS ngày 19/3/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn quyết định truy tố ra trước Toà án nhân dân huyện Văn Bàn để xét xử bị cáo Nguyễn Thế N, Phạm Văn N, Phạm Văn S, Trần Việt T, Đỗ Văn T về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn, qua thẩm vấn làm rõ đã nêu quan điểm luận tội và đề nghị hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thế N, Phạm Văn N, Phạm Văn S, Trần Việt T, Đỗ Văn T phạm tội "Đánh bạc".

Đề nghị Hội đồng xét xử:

1/ Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thế N, Phạm Văn N, Phạm Văn S, Trần Việt T, Đỗ Văn T phạm tội "Đánh bạc".

* Hình phạt chính:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 248; điểm h khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thế N từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 248; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; khoản 1, khoản 2 Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999: Xử phạt bị cáo Phạm Văn S từ 06 tháng đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng. Giao bị cáo Phạm Văn S cho Ủy ban nhân dân xã K, huyện V, tỉnh L giám sát, giáo dục.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; khoản 1, khoản 2 Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999:

- Xử phạt bị cáo Phạm Văn N từ 04 tháng đến 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng. Giao bị cáo Phạm Văn N cho Ủy ban nhân dân xã K, huyện V, tỉnh L giám sát, giáo dục.

- Xử phạt bị cáo Trần Việt T từ 04 tháng đến 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng. Giao bị cáo Trần Việt T cho Ủy ban nhân dân xã, huyện V, tỉnh L giám sát, giáo dục.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53; khoản 1, khoản 2 Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999:

- Xử phạt bị cáo Đỗ Văn T từ 06 tháng đến 09 tháng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng. Giao bị cáo Đỗ Văn T cho Ủy ban nhân dân xã K, huyện V, tỉnh L giám sát, giáo dục.

* Về hình phạt bổ sung: Không.

2/ Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân; 01 chiếc cối hoa văn màu đỏ, xanh là công cụ phạm tội do không còn giá trị sử dụng.

- Tịch thu: 7.337.000đ (*bảy triệu ba trăm ba mươi bảy nghìn đồng*); 01 điện thoại di động Nokia C1 bên trong có sim số 0944478356 của Nguyễn Thế N; 01 điện thoại di động OPPO A33 bên trong lắp sim số 0915086243 của Phạm Văn S; 01 điện thoại di động OPPO A37 bên trong lắp sim số 0976493127 của Phạm Văn N là công cụ, phương tiện phạm tội sung công quỹ nhà nước.

Sau khi xem xét các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, lời khai của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của các bị cáo, tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận: Khoảng 20 giờ 25 phút ngày 28/12/2017 Nguyễn Thế N rủ Phạm Văn N, Phạm Văn S, Trần Việt T, Đỗ Văn T đánh bạc bằng hình thức đánh Sâm. Nguyễn Thế N chủ động mua bài và nhờ địa điểm để đánh bạc là nhà bà Nguyễn Thị T ở thôn N, xã K. Khi các bị cáo đánh bạc đến 02 giờ 30 phút ngày 29/12/2017 thì bị Công an huyện Văn Bàn bắt quả tang. Công an thu giữ: Trên chiếu bạc 4.007.000đ; 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 52 quân, 01 chiếu cói hoa văn màu xanh, đỏ (kích thước 1,6m x 2m); thu giữ trên góc ban thờ nhà bà T 800.000đ. Ngoài ra còn thu giữ trên người các đối tượng: Nguyễn Thế N số tiền 405.000đ, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia C1 vỏ màu xanh đen; Phạm Văn S số tiền 1.060.000đ, 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A37 màu vàng đồng có ốp nhựa màu trắng; Trần Việt T số tiền 300.000đ, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu vàng đồng, 01 ví da màu nâu; Đỗ Văn T số tiền 50.000đ, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J7 Prime màu trắng có ốp nhựa dẻo màu vàng, 01 ví da màu nâu, 01 đăng ký xe mô tô BKS 24B1 - 335.51, 01 chứng minh thư nhân dân, 01 giấy phép lái xe, 01 thẻ bảo hiểm y tế tất cả mang tên Đỗ Văn T; Phạm Văn V 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5S màu vàng đồng. Thu giữ ngoài sân nhà bà Nguyễn Thị T: 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave RSX màu đỏ đen BKS: 24V1 - 031.66; 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave alpha màu trắng đen BKS: 24V1 - 138.15; 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Jupiter MX màu trắng đen BKS: 24B1 - 335.51; 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA AIRBLADE màu đỏ đen BKS: 24V1 - 112.47, trong cốp xe có 01 ví da màu nâu, 01 chứng minh thư nhân dân, 01 giấy phép lái xe hạng A1, 01 đăng ký xe mô tô BKS: 24V1 - 112.47, 01 đăng ký xe mô tô BKS: 24V1 - 103.46 đều mang tên Phạm Văn S.

Như vậy lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai người người làm chứng và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Các bị cáo Nguyễn Thế N, Phạm Văn N, Phạm Văn S, Trần Việt T, Đỗ Văn T đã cùng nhau dùng 7.337.000đ để đánh bạc (*bảy triệu ba trăm ba mươi bảy nghìn đồng*). Do vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận các bị cáo phạm tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 248 Bộ luật

hình sự năm 1999 mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai truy tố là đúng người, đúng tội.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn trong đó: Bị cáo Nguyễn Thế N là người khởi xướng, chuẩn bị công cụ và tích cực thực hiện hành vi phạm tội do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm chính với vai trò là người thực hành. Các bị cáo Phạm Văn N, Phạm Văn S, Trần Việt T, Đỗ Văn T trực tiếp cùng thực hiện hành vi đánh bạc nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm đồng phạm với vai trò là người thực hành. Khi quyết định hình phạt của các bị cáo này sẽ tính theo số tiền các bị cáo bỏ ra để đánh bạc và thời gian tích cực tham gia đánh bạc của từng bị cáo.

[2] Hội đồng xét xử đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo như sau: Hành vi của các bị cáo đã gây mất trật tự trị an tại địa phương, xâm phạm đến an toàn công cộng, trật tự công cộng được pháp luật bảo vệ. Là những người khỏe mạnh, làm chồng, làm Cha trụ cột trong gia đình nhưng các bị cáo không chịu tu dưỡng rèn luyện bản thân, ham chơi, muốn kiếm tiền bất chính, thiếu ý thức tôn trọng pháp luật đã đánh bạc ăn thua bằng tiền. Bị cáo Phạm Văn S năm 2007 bị Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xử phạt 03 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 năm về tội “Vận chuyển trái phép vật liệu nổ” nhưng không lấy đó làm bài học mà vẫn tiếp tục phạm tội. Bị cáo Nguyễn Thế N bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” nhưng vi phạm nghĩa vụ cam đoan bỏ trốn hiện đang bị truy nã. Vì vậy cần phải xử lý các bị cáo với một mức án tương xứng với hành vi phạm tội để cải tạo giáo dục các bị cáo thành công dân có ích cho xã hội và phòng ngừa chung.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Đối với bị cáo Nguyễn Thế N phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng có anh trai có công trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước được nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến.

- Đối với bị cáo Phạm Văn S trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử luôn thành khẩn khai báo; có anh trai là thương binh có công trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước được nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến, ngày 02/4/2017 có hành động tốt cứu giúp người gặp nạn đuối nước.

- Đối với bị cáo Phạm Văn N trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử luôn thành khẩn khai báo; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; có Bố đẻ có công trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước được nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến.

- Đối với bị cáo Trần Việt T trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử luôn thành khẩn khai báo; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; có Bố, Mẹ đẻ có công trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước được nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến.

- Đối với bị cáo Đỗ Văn T trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử luôn thành khẩn khai báo; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

Các bị cáo Phạm Văn N, Trần Việt T, Đỗ Văn T đánh bạc với số tiền không lớn có nơi cư trú rõ ràng, ngoài lần vi phạm này bị cáo luôn chấp hành nghiêm chỉnh các chủ trương chính sách pháp luật của nhà nước, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân nên không cần thiết phải cách li khỏi xã hội cũng đủ cải tạo giáo dục bị cáo thành công dân có ích cho xã hội và phòng ngừa chung. Bị cáo Phạm Văn S đánh bạc với số tiền không lớn có tiền án nhưng đã được xóa án tích thời gian đã dài, có nơi cư trú rõ ràng, bị cáo luôn chấp hành nghiêm chỉnh các chủ trương chính sách pháp luật của nhà nước, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân nên không cần thiết phải cách li khỏi xã hội cũng đủ cải tạo giáo dục bị cáo thành công dân có ích cho xã hội và phòng ngừa chung.

- Các bị cáo Nguyễn Thế N, Phạm Văn N, Trần Việt T, Đỗ Văn T sống bằng nghề trồng trọt; bị cáo Phạm Văn S là lao động tự do bản thân và gia đình chỉ có các tài sản phục vụ cho nhu cầu thiết yếu của gia đình, đánh bạc với số tiền không lớn.

- Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 nên xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo và không áp dụng hình phạt bổ sung để thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

[5] Về vật chứng: * Cơ quan điều tra thu giữ:

- 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân; 01 chiếc cói hoa văn màu đỏ, xanh là công cụ phạm tội không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

- Số tiền 7.337.000đ các bị cáo dùng vào việc đánh bạc bao gồm: Thu trên chiếu 4.007.000đ; thu của Nguyễn Thế N 400.000đ; thu của Phạm Văn S 1.060.000đ; thu của Phạm Văn N 1.500.000đ; thu của Trần Việt T 300.000đ; bà Nguyễn Thị T giao nộp 70.000đ. Thu 01 điện thoại di động Nokia C1 bên trong có sim số 0944478356 của Nguyễn Thế N; thu 01 điện thoại di động OPPO A33 bên trong lắp sim số 0915086243 của Phạm Văn S; thu 01 điện thoại di động OPPO A37 bên trong lắp sim số 0976493127 của Phạm Văn N đây là công cụ, phương tiện phạm tội cần tịch thu sung công quỹ nhà nước.

* Vật chứng cơ quan điều tra đã trả cho chủ sở hữu gồm:

Trả lại cho Phạm Văn V 800.000đ; 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave alpha màu trắng đen BKS: 24V1 - 138.15; 01 điện thoại di động Iphone 5S.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thế N 5.000đ.

Trả lại bị cáo Trần Việt T 01 điện thoại di động Masstel; 01 ví da màu nâu.

Trả lại cho bị cáo Đỗ Văn T số tiền 50.000đ; 01 điện thoại di động Samsung Galaxy J7 Prime; 01 ví da màu nâu, 01 đăng ký xe mô tô BKS 24B1 - 335.51; 01 chứng minh thư nhân dân; 01 giấy phép lái xe; 01 thẻ bảo hiểm y tế; 01 xe mô tô YAMAHA Jupiter MX màu trắng đen BKS: 24B1 - 335.51.

Trả lại cho bị cáo Phạm Văn N 01 xe mô tô HONDA Wave RSX màu đỏ đen BKS: 24V1 - 031.66.

Trả lại cho bị cáo Phạm Văn S 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA AIRBLADE màu đỏ đen BKS: 24V1 - 112.47; 01 ví da màu nâu; 01 chứng minh thư nhân dân, 01 giấy phép lái xe hạng A1, 01 đăng ký xe mô tô BKS: 24V1 - 112.47, 01 đăng ký xe mô tô BKS: 24V1 - 103.46 đều mang tên Phạm Văn S.

Đây là các vật chứng không liên quan đến hành vi phạm tội nên không đề cập giải quyết.

[6] Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[7] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với bà Nguyễn Thị T và anh Phạm Văn V là những người có hành vi cho các bị cáo mượn nhà, cho vay tiền để đánh bạc. Quá trình điều tra xác định các hành vi không đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên cơ quan điều tra chuyển xử lý hành chính là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thế N, Phạm Văn N, Phạm Văn S, Trần Việt T, Đỗ Văn T phạm tội “Đánh bạc”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 248; điểm h khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thế N 07 (bảy) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, khi chấp hành án được trừ đi 08 (tám) ngày đã bị tạm giữ.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 248; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; khoản 1, khoản 2 Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999: Xử phạt bị cáo Phạm Văn S 07 (bảy) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 14 (mười bốn) tháng kể từ ngày tuyên án. Giao bị cáo Phạm Văn S cho Ủy ban nhân dân xã K, huyện V, tỉnh L giám sát, giáo dục.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; khoản 1, khoản 2 Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999:

- Xử phạt bị cáo Phạm Văn N 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án. Giao bị cáo Phạm Văn N cho Ủy ban nhân dân xã K, huyện V, tỉnh L giám sát, giáo dục.

- Xử phạt bị cáo Trần Việt T 05 (năm) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án. Giao bị cáo Trần Việt T cho Ủy ban nhân dân xã K, huyện V, tỉnh L giám sát, giáo dục.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53; khoản 1, khoản 2 Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999:

- Xử phạt bị cáo Đỗ Văn T 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án. Giao bị cáo Đỗ Văn T cho Ủy ban nhân dân xã K, huyện V, tỉnh L giám sát, giáo dục.

Về vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) bộ bài tú lơ khơ 52 quân; 01 (một) chiếc cói hoa văn màu đỏ, xanh là công cụ phạm tội do không còn giá trị sử dụng.

- Tịch thu: 7.337.000đ (bảy triệu ba trăm ba mươi bảy nghìn đồng); 01 (một) điện thoại di động Nokia C1 bên trong có sim số 0944478356 của Nguyễn Thế N; 01 (một) điện thoại di động OPPO A33 bên trong lắp sim số 0915086243 của Phạm Văn S; 01 (một) điện thoại di động OPPO A37 bên trong lắp sim số 0976493127 của Phạm Văn N là công cụ, phương tiện phạm tội sung công quỹ nhà nước.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Các bị cáo Nguyễn Thế N, Phạm Văn N, Phạm Văn S, Trần Việt T, Đỗ Văn T mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Báo cho các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị cáo vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết công khai bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6, điều 7, điều 7a và điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xét xử công khai sơ thẩm kết thúc hồi 16 giờ 35 phút cùng ngày 30/5/2018.

Nơi nhận

- TAND Tỉnh(01);
- VKSND huyện(02);
- Công an huyện(02);
- Các bị cáo(05);
- THAHS, THADS;
- Lưu HS, VP(03).

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Triệu Vĩnh Thái